

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục Dữ liệu chủ chuyên ngành, Dữ liệu dùng chung và Dữ liệu mở tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động về việc thúc đẩy, tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Tờ diễn dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 87/TTr-SKHCN ngày 26 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục Dữ liệu chủ chuyên ngành, Dữ liệu dùng chung và Dữ liệu mở tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Danh mục này áp dụng cho các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tạo lập, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trên địa

bàn tỉnh Đồng Nai.

Danh mục là căn cứ để các cơ quan nhà nước thực hiện đầu tư, nâng cấp hệ thống thông tin; xác định trách nhiệm làm giàu dữ liệu và kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước theo nguyên tắc: đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị chuẩn hóa dữ liệu theo Danh mục này, bảo đảm đồng bộ với Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia.

Quản lý, vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP); thiết lập kết nối với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP) thông qua máy chủ bảo mật (Agent Node).

Định kỳ rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với thực tế.

2. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chủ trì quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu (sau đây viết tắt là CSDL) về dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử, an ninh trật tự, cư trú, lý lịch tư pháp...; phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện kết nối các CSDL chuyên ngành và hệ thống thông tin của tỉnh với Cơ sở dữ liệu về dân cư, Cơ sở dữ liệu về căn cước để khai thác, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

Hướng dẫn, kiểm tra việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành chủ quản CSDL

Rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, sẵn sàng kết nối, chia sẻ khi có yêu cầu.

Chủ trì xây dựng quy chế khai thác, phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã truy cập, cập nhật và khai thác dữ liệu trực tiếp trên hệ thống của Sở để giải quyết thủ tục hành chính, không yêu cầu báo cáo thủ công.

Thực hiện công bố dữ liệu mở theo Danh mục quy định tại Quyết định này trên Cổng Dữ liệu mở của tỉnh.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Trực tiếp cập nhật, làm giàu dữ liệu biến động tại cơ sở lên các hệ thống dùng chung của tỉnh theo phân quyền.

Khai thác hiệu quả dữ liệu chia sẻ từ các Sở, ngành để phục vụ công tác quản lý nhà nước và phục vụ người dân trên địa bàn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã;
- Công an tỉnh;
- Thuế Đồng Nai;
- Thống kê Đồng Nai;
- Chi cục QLTT Đồng Nai;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC

Danh mục Dữ liệu chủ chuyên ngành, Dữ liệu dùng chung và Dữ liệu mở tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. DANH MỤC DỮ LIỆU CHỦ CHUYÊN NGÀNH (SPECIALIZED MASTER DATA)

Dữ liệu chủ chuyên ngành là dữ liệu chủ (master data) được áp dụng trong một lĩnh vực chuyên ngành cụ thể, bao gồm các thông tin cơ bản nhất để mô tả các đối tượng cốt lõi của lĩnh vực đó và được sử dụng làm cơ sở để tham chiếu, đồng bộ hóa giữa các CSDL khác nhau.

Là dữ liệu do các cơ quan nhà nước tỉnh Đồng Nai trực tiếp xây dựng hệ thống, quản lý, cấp mã định danh và chịu trách nhiệm về tính chính xác (Không sử dụng phần mềm tập trung của Bộ).

STT	Tên Cơ sở dữ liệu (CSDL)	Đơn vị chủ quản	Phạm vi & Ghi chú
I	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
1	CSDL Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ	Sở KH&CN	Quản lý đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh/cơ sở; Kết quả nghiên cứu.
2	CSDL Chuyên gia Khoa học và Công nghệ	Sở KH&CN	Hồ sơ nhà khoa học, chuyên gia công nghệ trên địa bàn.
3	CSDL hạ tầng công nghệ thông tin	Sở KH&CN	Mạng lưới bưu cục, trạm BTS, tuyến cáp quang, mã bưu chính (đến cấp xã/thôn), thiết bị công nghệ thông tin...
4	CSDL nhân lực, nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin.	Sở KH&CN	Nhân lực công nghệ thông tin, Hệ thống - nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, An toàn thông tin...
5	CSDL Tổng hợp về xã hội số.	Sở KH&CN	Triển khai các nhiệm vụ, hoạt động về chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

6	CSDL công nghiệp công nghệ số	Sở KH&CN	Triển khai các hoạt động liên quan đến phát triển công nghiệp số trên địa bàn tỉnh
II	SỞ CÔNG THƯƠNG		
7	CSDL Cụm công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	Sở Công Thương	
8	CSDL Hệ thống phân phối (Chợ, Siêu thị, Xăng dầu)	Sở Công Thương	
9	CSDL Xúc tiến thương mại (Khuyến mại, Hội chợ)	Sở Công Thương	
10	CSDL Năng lượng (Thủy điện nhỏ, Lưới điện hạ thế)	Sở Công Thương	
11	CSDL công nghiệp (công nghiệp hỗ trợ, hóa chất, vật liệu nổ)	Sở Công Thương	CSDL Hóa chất, vật liệu nổ
III	THANH TRA TỈNH		
12	CSDL Khiếu nại, Tố cáo và tiếp công dân	Thanh tra tỉnh	Hồ sơ đơn thư, quá trình giải quyết khiếu nại tố cáo từ cấp Xã lên Tỉnh.
13	CSDL Kết luận Thanh tra	Thanh tra tỉnh	Các kết luận thanh tra kinh tế - xã hội, kiến nghị và kết quả thực hiện kết luận.
14	CSDL kê khai Tài sản Thu nhập	Thanh tra tỉnh	Bản kê khai tài sản của đối tượng thuộc diện tình quản lý (Kiểm soát theo quy định).
IV	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
15	CSDL ngành giáo dục và đào tạo	Sở GD&ĐT	Từ Mầm non đến THPT, GDTX.
V	SỞ Y TẾ		
16	CSDL Hành nghề Y, Dược tư nhân	Sở Y tế	Cấp phép phòng khám, nhà thuốc tư nhân.
17	CSDL Nhân lực y tế địa phương	Sở Y tế	
18	CSDL Trang thiết bị y tế (tại các cơ sở công lập)	Sở Y tế	
19	CSDL An toàn thực phẩm (Cơ sở SXKD thực phẩm)	Sở Y tế	

VI	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		
20	CSDL Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Sở NN&MT	Chi tiết đến cấp xã.
21	CSDL Giá đất (Bảng giá và Giá cụ thể)	Sở NN&MT	Phục vụ tính thuế, đền bù.
22	CSDL Quan trắc môi trường	Sở NN&MT	Dữ liệu quan trắc tự động của tỉnh.
23	CSDL Nguồn thải và cơ sở gây ô nhiễm môi trường	Sở NN&MT	Các cơ sở thuộc thẩm quyền tỉnh cấp phép.
24	CSDL Tài nguyên nước (Cấp phép, Xả thải)	Sở NN&MT	Giấy phép tài nguyên nước do tỉnh cấp.
25	CSDL Khoáng sản và Địa chất	Sở NN&MT	Mỏ, điểm mỏ, cấp phép khai thác vật liệu xây dựng
26	CSDL Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Sở NN&MT	Khu bảo tồn thiên nhiên địa phương.
27	CSDL Thủy lợi và Nước sạch nông thôn	Sở NN&MT	Hồ đập, kênh mương, trạm cấp nước.
28	CSDL Sản phẩm OCOP	Sở NN&MT	Hồ sơ, hạng sao sản phẩm
29	CSDL Đề điều và phòng, chống thiên tai	Sở NN&MT	Các điểm xung yếu về đề điều, Kế hoạch phòng chống thiên tai
30	CSDL Kinh tế hợp tác và Trang trại	Sở NN&MT	HTX Nông nghiệp, trang trại
VII	SỞ NỘI VỤ		
31	CSDL Tổ chức, bộ máy	Sở Nội vụ	Thông tin về tổ chức, bộ máy
32	CSDL Hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ	Sở Nội vụ	Thông tin về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ
33	CSDL Thi đua - Khen thưởng	Sở Nội vụ	Hồ sơ khen thưởng cấp Tỉnh/Nhà nước
34	CSDL Quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	Sở Nội vụ	

35	CSDL Tài liệu lưu trữ lịch sử	Sở Nội vụ	Kho lưu trữ tỉnh.
36	CSDL Thanh niên và công tác thanh niên	Sở Nội vụ	
37	CSDL Giáo dục nghề nghiệp địa phương	Sở Nội vụ	Các trường nghề, trung tâm do tỉnh quản lý.
38	CSDL Mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ (Địa phương)	Sở Nội vụ	Quản lý hạ tầng nghĩa trang tại tỉnh.
VIII	SỞ XÂY DỰNG		
39	CSDL Quy hoạch xây dựng và Kiến trúc	Sở Xây dựng	Quy hoạch chung, phân khu, chi tiết 1/500
40	CSDL Dự án nhà ở và Thị trường Bất động sản	Sở Xây dựng	Thông tin dự án, sàn giao dịch.
41	CSDL Cấp phép xây dựng (Thẩm quyền Tỉnh/Xã)	Sở Xây dựng	
42	CSDL Năng lực hành nghề xây dựng (Hạng II, III)	Sở Xây dựng	Chứng chỉ do Sở cấp.
43	CSDL Định mức, đơn giá xây dựng công trình	Sở Xây dựng	Công bố giá VLXD địa phương.
44	CSDL Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Sở Xây dựng	Cấp nước, thoát nước, cây xanh, chiếu sáng.
45	CSDL Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Sở Xây dựng	Đường tỉnh, đường huyện (cũ), đường xã.
46	CSDL Phương tiện thủy nội địa	Sở Xây dựng	Đăng ký phương tiện thẩm quyền địa phương.
47	CSDL Vận tải hành khách và hàng hóa	Sở Xây dựng	Luồng tuyến nội tỉnh, bến xe
48	CSDL Đào tạo, sát hạch lái xe (Cơ sở đào tạo)	Sở Xây dựng	Quản lý các trung tâm đào tạo trên địa bàn
IX	SỞ TÀI CHÍNH		
49	CSDL Dự án Đầu tư công (Vốn ngân sách tỉnh)	Sở Tài chính	Vòng đời dự án đầu tư công (từ chủ trương đến quyết toán)

50	CSDL Xúc tiến đầu tư	Sở Tài chính	Danh mục dự án mời gọi đầu tư
51	CSDL Quản lý tài sản công	Sở Tài chính	Đất, nhà, xe, tài sản cố định của tỉnh
52	CSDL Giá và Thẩm định giá	Sở Tài chính	Giá thị trường địa phương
X	SỞ TƯ PHÁP		
53	CSDL Giám định tư pháp	Sở Tư pháp	
54	CSDL Trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp	
55	CSDL Đấu giá tài sản	Sở Tư pháp	
XI	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH		
56	CSDL Di sản văn hóa (Di tích, Di sản phi vật thể)	Sở VH, TT&DL	
57	CSDL Cơ sở lưu trú và Dịch vụ du lịch	Sở VH, TT&DL	Khách sạn, Homestay, Khu điểm du lịch
58	CSDL Lễ hội và Sự kiện văn hóa	Sở VH, TT&DL	
59	CSDL Gia đình (Phòng chống bạo lực gia đình)	Sở VH, TT&DL	
60	CSDL Thành tích thể thao địa phương	Sở VH, TT&DL	
61	CSDL Quảng cáo (Biển bảng)	Sở VH, TT&DL	
XII	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ		
62	CSDL thông tin của các dự án đầu tư nước ngoài (FDI), dự án Việt Nam và các Công ty hạ tầng trong các Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế	

B. DANH MỤC DỮ LIỆU DÙNG CHUNG (SHARED DATA)

Dữ liệu dùng chung là dữ liệu được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ mặc định qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) để các cơ quan khai thác chéo, giảm thiểu giấy tờ và báo cáo thủ công.

Bao gồm (1) Dữ liệu tỉnh nhập liệu trên phần mềm Bộ (Hộ tịch, Đất đai, Lý lịch tư pháp...) cần kết nối về tỉnh; (2) Dữ liệu tỉnh tạo lập cần chia sẻ cho các sở ngành/xã.

STT	Tên Dữ liệu dùng chung	Cơ quan Chia sẻ (Nguồn)	Cơ quan Khai thác (Đích)	Mục đích sử dụng chính
I	NHÓM DỮ LIỆU TỪ HỆ THỐNG QUỐC GIA (Tỉnh nhập liệu/Khai thác)			
1	Dữ liệu Dân cư & Định danh (VNeID)	Bộ Công an	Toàn tỉnh	Xác thực nhân thân, TTHC
2	Dữ liệu Cư trú	Bộ Công an	UBND cấp xã, các sở, ngành	Quản lý dân cư an ninh trật tự
3	Dữ liệu Hộ tịch điện tử (Khai sinh, kết hôn...)	Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp, Sở Y tế, UBND cấp xã	Quản lý hộ tịch, thống kê dân số
4	Dữ liệu Văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành	Quản lý, cập nhật, khai thác VB QPPL
5	Dữ liệu Lý lịch tư pháp (Án tích)	Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Nội vụ	Cấp phiếu LLTP, tuyển dụng
6	Dữ liệu Xử lý vi phạm hành chính	Bộ Công an	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh	Theo dõi tái phạm, thi hành quyết định
7	Dữ liệu Thi hành án dân sự	Bộ Tư pháp	Sở Tư pháp, Sở NN&MT	Phối hợp cưỡng chế, xác minh
8	Dữ liệu Đăng ký Doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Thuế tỉnh Đồng Nai	Quản lý doanh nghiệp sau đăng ký
9	Dữ liệu Đầu tư nước ngoài (FDI)	Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Quản lý dự án FDI
10	Dữ liệu Đấu thầu qua mạng	Bộ Tài chính	Các chủ đầu tư	Công khai đấu thầu
11	Dữ liệu Quản lý Ngân sách (TABMIS)	Bộ Tài chính	Sở Tài chính, UBND tỉnh	Giám sát thu chi ngân sách

12	Dữ liệu Mã số thuế	Cục Thuế	Các sở, ban, ngành	Xác thực thông tin thuế
13	Dữ liệu Hóa đơn điện tử	Cục Thuế	Sở Tài chính, Chi Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Chống thất thu thuế
14	Dữ liệu Quản lý Nợ công	Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Quản lý nợ chính quyền địa phương
15	Dữ liệu Đất đai (VBDLIS/eMonre)	Bộ NN&MT	Sở NN&MT, Thuế tỉnh Đồng Nai, UBND cấp xã	Quản lý đất đai, tính thuế
16	Dữ liệu Nền địa lý quốc gia	Bộ NN&MT	Các sở, ngành	Nền bản đồ số dùng chung
17	Dữ liệu Hồ sơ cán bộ, công chức (QG)	Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Đồng bộ CSDL Quốc gia về CBCCVC
18	Dữ liệu Hộ nghèo, Hộ cận nghèo (QG)	Bộ NN&MT	Sở NN&MT, UBND cấp xã, BHXH tỉnh	Thực hiện chính sách an sinh
19	Dữ liệu Người có công (QG)	Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Thực hiện chính sách ưu đãi
20	Dữ liệu Lao động - Việc làm (QG)	Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Quản lý thị trường lao động
21	Dữ liệu Bảo trợ xã hội (QG)	Bộ Y tế	Sở Y tế	Chi trả trợ cấp
22	Dữ liệu Trẻ em (QG)	Bộ Y tế	Sở Y tế	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em
23	Dữ liệu Bảo hiểm xã hội, BHYT	BHXH Việt Nam	Sở Y tế, Sở Nội vụ	Khám chữa bệnh, chế độ chính sách
24	Dữ liệu Khám chữa bệnh (Liên thông)	Bộ Y tế	Sở Y tế	Quản lý KCB, chuyển tuyến
25	Dữ liệu Tiêm chủng quốc gia	Bộ Y tế	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã	Quản lý tiêm chủng
26	Dữ liệu Dược Quốc gia	Bộ Y tế	Sở Y tế	Quản lý thuốc, giá thuốc
27	Dữ liệu An toàn thực phẩm (QG)	Bộ Y tế	Các ngành	Thanh kiểm tra ATTP

28	Dữ liệu Học sinh, Giáo viên (CSDL Ngành)	Bộ GD&ĐT	Sở GD&ĐT	Quản lý giáo dục, học bạ số
29	Dữ liệu Văn bằng chứng chỉ (QG)	Bộ GD&ĐT	Sở GD&ĐT, Sở Nội vụ	Xác minh văn bằng
30	Dữ liệu Giấy phép lái xe	Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng, Công an tỉnh	Cấp đổi, xử lý vi phạm
31	Dữ liệu Đăng kiểm phương tiện	Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng, Công an tỉnh	Kiểm soát phương tiện.
32	Dữ liệu Đăng ký xe (Ô tô)	Bộ Công an	Sở Xây dựng, Thuế tỉnh Đồng Nai	Quản lý phương tiện
33	Dữ liệu PCCC & CNCH (QG)	Bộ Công an	Công an tỉnh, Sở Xây dựng	Thẩm duyệt PCCC
34	Dữ liệu Ngành nghề kinh doanh có điều kiện ANTT	Bộ Công an	Công an tỉnh	Quản lý ANTT
35	Dữ liệu Mã số vùng trồng (QG)	Bộ NN&MT	Sở NN&MT	Xuất khẩu nông sản
36	Dữ liệu Sở hữu công nghiệp	Bộ KH&CN	Sở KH&CN, Chi Cục Quản lý thị trường Đồng Nai	Bảo vệ thương hiệu
II	NHÓM DỮ LIỆU NỘI BỘ TỈNH (DO TỈNH TẠO LẬP)			
37	Hồ sơ & Kết quả giải quyết TTHC	Hệ thống Một cửa tỉnh	Toàn tỉnh	Giải quyết TTHC liên thông
38	Văn bản chỉ đạo điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	Toàn tỉnh	Quản lý văn bản hồ sơ công việc
39	Danh mục dùng chung (Mã định danh)	Sở KH&CN	Toàn tỉnh	Đồng bộ mã xã, mã đơn vị
40	Thông tin Hộ kinh doanh & HTX	Sở Tài chính	Thuế tỉnh Đồng Nai, UBND cấp xã	Quản lý thuế khoán
41	Thông tin Quy hoạch xây dựng	Sở Xây dựng	UBND cấp xã, Sở NN&MT	Cấp phép xây dựng, đất đai
42	Thông tin Ngăn chặn giao dịch tài sản	Sở Tư pháp	Các Văn phòng Công chứng	Công chứng, chứng thực
43	Hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR - Tỉnh)	Sở Y tế	Các Bệnh viện	Bệnh án điện tử

44	Chỉ tiêu Kinh tế - xã hội (Real-time)	Thông kê tỉnh Đồng Nai	Sở KHCN (IOC tỉnh)	Chỉ đạo điều hành
45	Dữ liệu Camera giám sát (Giao thông/An ninh)	Công an tỉnh	Sở KHCN (IOC tỉnh)	Giám sát an ninh, giao thông

C. DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ (OPEN DATA) - MỞ RỘNG

Dữ liệu mở là tập hợp dữ liệu được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Dữ liệu được công bố rộng rãi, miễn phí trên Cổng Dữ liệu mở của tỉnh (Open Data Portal), định dạng máy có thể đọc được (XLS, CSV, JSON, XML, API) để người dân, doanh nghiệp, và lập trình viên có thể khai thác, tái sử dụng.

STT	Nhóm dữ liệu	Tên tập dữ liệu mở	Cơ quan công bố	Tần suất cập nhật
1	Quy hoạch & Đất đai	Bản đồ Quy hoạch/Kế hoạch sử dụng đất (chi tiết đến xã)	Sở NN&MT	(Chu kỳ 10 năm/lần)
		Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai	Sở NN&MT	(Công bố lần đầu ngày 01/01/2026 và khi thay đổi)
2	Xây dựng & Đô thị	Bản đồ Quy hoạch xây dựng (Chung/Phân khu/Chi tiết)	Sở Xây dựng	Khi phê duyệt
		Thông tin Dự án nhà ở, Bất động sản đủ điều kiện kinh doanh	Sở Xây dựng	Hàng quý
3	Kinh tế & Đầu tư	Danh mục dự án mời gọi đầu tư	Sở Tài chính	Hàng quý
		Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công	Sở Tài chính	Hàng tháng
4	Giáo dục	Mạng lưới trường học, cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hàng năm
		Chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hàng năm
5	Y tế	Danh sách Bệnh viện, Phòng khám, Nhà thuốc đạt chuẩn	Sở Y tế	Hàng quý
		Thông tin dịch bệnh (không chứa thông tin cá nhân)	Sở Y tế	Theo sự kiện
6	Giao thông	Mạng lưới giao thông đường bộ (Tỉnh lộ, đường xã)	Sở Xây dựng	Hàng năm
		Luồng tuyến xe buýt, xe khách	Sở Xây dựng	Khi thay đổi

7	Văn hóa - Du lịch	Danh sách Di tích, Lễ hội, Sự kiện văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng năm
		Điểm đến du lịch, Cơ sở lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng quý
8	Môi trường	Kết quả quan trắc môi trường (Không khí, Nước)	Sở NN&MT	Thời gian thực
		Danh sách nguồn thải lớn	Sở NN&MT	Hàng năm
9	Pháp lý & Hành chính	Bộ Thủ tục hành chính (Phí, lệ phí, Thời gian)	Các sở, ban, ngành	Khi thay đổi
		Danh sách Tổ chức hành nghề Luật, Công chứng.	Sở Tư pháp	Hàng quý
		Công chứng, Đấu giá tài sản	Sở Tư pháp	Hàng quý
		Thừa phát lại	Sở Tư pháp	Hàng quý
		Danh mục Tổ chức hành nghề Luật sư	Sở Tư pháp	Hàng quý
10	Khoa học Công nghệ	Danh mục nhiệm vụ KH&CN (kết quả tóm tắt)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm